TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 24/2019/DS-ST
Ngày: 29-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhất Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Hải Hùng
Ông Nguyễn Lơn

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đoàn Vũ Kim Kúc – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Ninh Hoà

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa*: Không tham gia.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng huê" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST-DS ngày 13/8/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Châu T - sinh năm: 1974
Địa chỉ: Thôn H1, xã N, thị xã N, Khánh Hòa.
Có mặt
- Bị đơn: Bà Lê Thị Kim P - sinh năm 1969;
Địa chỉ: Thôn H1, xã N, thị xã N, Khánh Hòa.
Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện ngày 27/6/2019, bản tự khai và Biên bản hòa giải và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Châu T trình bày:

Giữa bà T và bà Lê Thị Kim P là người sống cùng địa phương nên quen biết nhau. Ngày 20/6/2017 âm lịch bà T có tham gia chơi 30 đầu huê với bà Lê Thị Kim P, huê do bà P làm chủ huê, mỗi đầu có 15 phần. Huê bắt đầu từ ngày 20/6/2017 âm lịch đến ngày 20/8/2018 âm lịch là mãn. Mỗi phần huê sống tiền lãi là 200.000đ/tháng. Trong quá trình chơi huê bà T đã hốt 20 phần, còn lại 10 phần. Đến tháng 7/2018 âm lịch bà T đã hốt huê lần thứ 14 (20/7/2018 âm lịch) của 10 phần huê này. Số tiền mỗi phần lỗ 200.000đ + huê hồng 200.000đ = 400.000đ. Như vậy, là 14.000.000đ - 400.000đ/phần = 13.600.000đ/phần. 13.600.000đ/phần x 10 phần (hốt huê) = 136.000.000đ (Một trăm ba mươi sáu triêu đồng). Khấu trừ huê chết phải đóng của 20 phần đã hốt trước, mỗi phần 1.000.000đ x 20 phần = 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Còn nhận là 116.000.000đ (Một trăm mười sáu triệu đồng), số tiền này bà P hẹn sang tháng 8/2018, giao đủ cho bà T. Nhưng sang tháng 8/2018 âm lịch sau khi bà T phải đóng huê chết 30 phần x 1.000.000đ/phần = 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Số tiền huê chết

được khấu trừ vào tổng số tiền huê mà bà T hốt vào tháng 7/2018 là 116.000.000đ - 30.000.000đ = 86.000.000đ (Tám mươi sáu triệu đồng) thì bà P bị vỡ nợ.

-Ngoài ra:

+ Ngày 15/12/2017 âm lịch, bà P có tổ chức 8 đầu huê khác, mỗi đầu có 13 phần và bà T tham gia 8 đầu với mỗi phần 01 đầu, loại huê 1.000.000đ/tháng. Trong quá trình chơi huê, bà T đã hốt 2 phần vào tháng 8/2018 còn lại 06 phần huê sống. Bà T đã đóng 09 lần huê sống, mỗi phần đóng 800.000đ.

Cụ thể: [(6 phần x 800.000đ/phần) x 9 lần] = 43.200.000đ, khấu trừ 2 phần huê chết của 4 tháng: (1.000.000đ x (4 tháng x 2 phần) = 8.000.000đ. Như vậy phần huê này bà P còn thiếu của bà T là 35.200.000đ (Ba mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng). (số tiền huê đã đóng 43.200.000đ - 8.000.000đ là số tiền huê chết).

+ Ngày 10/5/2018 âm lịch, bà P tổ chức sổ 14 đầu huê, loại huê 1.000.000đ/tháng và bà T tham gia cả 14 đầu huê, mỗi đầu 01 phần. Bà T đã đóng: 33.600.000đ. Cụ thể:

3 tháng x (800.000đ/phần x 14 phần) = 33.600.000đ (ba mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng).

Tính đến tháng 8/2018, tổng cộng bà P nợ tiền huê của bà T là 154.800.000đ. (86.000.000đ + 35.200.000đ + 33.600.000đ). Ngoài số tiền nợ huê thì ngày 10/4/2017 âm lịch, bà P có vay của bà T số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Như vậy tổng số nợ bà P nợ cả tiền Huê và tiền vay của bà T là 204.800.000đ (hai trăm lẻ bốn triệu tám trăm ngàn đồng). Nay bà T yêu cầu bà P trả cho bà số tiền trên, trả 1 lần không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà Lê Thị Kim P trình bày: Bà P thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn. Bà P thừa nhận còn nợ của nguyên đơn số tiền huê là 154.800.000đ (Một trăm năm mươi bốn triệu tám trăm ngàn) và số tiền bà P vay của nguyên đơn là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Tổng cộng cả tiền H và tiền vay bà P còn nợ của bà T là 204.800.000đ (Hai trăm lẻ bốn triệu tám trăm ngàn) nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên tôi xin được trả số tiền trên cho nguyên đơn theo hình thức trả dần mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi hết nợ chứ chưa có điều kiện trả hết một lần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa không tham gia phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại thôn H1, xã N, thị xã N nên theo Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Nguyễn Thị Châu T khởi kiện bà Lê Thị Kim P về khoản tiền vay và nợ huê nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 và tranh chấp hợp đồng huê theo Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn. Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn bà Lê Thị Kim P phải trả tổng số nợ 204.800.000đ (Hai trăm lẻ bốn triệu tám trăm ngàn đồng) Trong đó nợ vay là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và nợ huê 154.800.000đ (Một trăm năm mươi

bốn triệu tám trăm ngàn đồng). Tại phiên tòa, bị đơn Lê Thị Kim P xác nhận hiện nay có nợ bà T tổng cộng 204.800.000đ (Hai trăm lẻ bốn triệu tám trăm ngàn đồng) là đúng và ngày 20/8/2018, bà P có viết giấy nhận nợ số tiền trên và hứa sẽ trả dần cho bà T. Nhưng hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ, nguyên đơn không đồng ý nên khởi kiện đến tòa án. Tại phiên tòa, bà P tiếp tục xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi hết số nợ trên nhưng bà T không đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Nguyên đơn Nguyễn Thị Châu T khởi kiện bị đơn Lê Thị Kim P nợ tiền vay và tiền huê tổng 204.800.000đ (Hai trăm lẻ bốn triệu tám trăm ngàn) là có cơ sở. Tuy nhiên, về phương thức thanh toán thì giữa bà T và bà P không thỏa thuận được. Xét thấy, số tiền bà P nợ bà T đã lâu, nếu để kéo dài sẽ ảnh hưởng đến kinh tế của bà T nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là phù hợp.

[5] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị đơn bà Lê Thị Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả nợ theo quy định của pháp luật là: 204.800.000 đồng x 5% = 10.240.000 đồng (Mười triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng). Nhưng bà P có đơn xin giảm án phí vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có chính quyền địa phương xác nhận. Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp , quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án. xét giảm cho bị đơn 1/2 án phí. Tiền án phí bị đơn Lê Thị Kim P phải nộp là 5.120.000đ (Năm triệu một trăm hai mươi ngàn đồng).

Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Nguyễn Thị Châu T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điều 35; 39, Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp , quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bị đơn bà Lê Thị Kim P trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Châu T số tiền 204.800.000đ (Hai trăm lẻ bốn triệu, tám trăm ngàn đồng) sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Qui định: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Lê Thị Kim P phải chịu án dân sự sơ thẩm nộp là 5.120.000đ (Năm triệu một trăm hai mươi ngàn đồng).

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Nguyễn Thị Châu T 5.120.000đ (Năm triệu một trăm hai mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0009100 ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhất Anh

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THA thị xã Ninh Hòa;
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu vụ án